

Số: **198** /TTr-UBND

*Quảng Trị, ngày 19 tháng 11 năm 2023*

**TỜ TRÌNH  
về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị  
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 7016/BC-HĐTD ngày 28/8/2023 của Hội đồng Thẩm định Quy hoạch tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua “Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050” (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với các nội dung như sau:

## A. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP QUY HOẠCH

Thực hiện Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ, để triển khai công tác lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch tỉnh), UBND tỉnh đã có Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 thành lập Ban Chỉ đạo Lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Thành viên là Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo để triển khai Quy hoạch tỉnh.

Chỉ đạo xây dựng Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 06/8/2020. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã phê duyệt dự toán lập quy hoạch tỉnh tại Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 24/11/2020.

Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh theo quy định Luật Đầu thầu; theo đó, đã lựa chọn đơn vị tư vấn là Liên danh Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, Viện Chiến lược phát triển, Viện Quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, Viện Năng lượng - Bộ Công thương, Tổng công ty Tư vấn và thiết kế giao thông vận tải - CTCP, Viện Khoa học thủy lợi Việt Nam, Trung tâm Tư vấn thông tin và truyền thông - Viện Chiến lược thông tin và truyền thông và Công ty cổ phần Quy hoạch Hà Nội.

Chỉ đạo xây dựng báo cáo Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên cơ sở tích hợp các nội dung đề xuất của các sở, ngành và cấp huyện; xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm đảm tính thống nhất, đồng bộ của Quy hoạch; đồng thời, điều chỉnh một số nội dung trong Quy hoạch nhằm đảm bảo phù hợp với các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng quốc gia,... đang được các bộ, ngành Trung ương xây dựng.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp với Tổ chức Singapore Cooperation Enterprise; Sakae Advisory - Surbana Jurong để tích hợp các báo cáo “*Báo cáo nghiên cứu định vị kinh tế cấp cao tỉnh Quảng Trị*” và “*Ý tưởng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*” vào quy hoạch tỉnh; tiếp thu các ý kiến phản biện của Tổ chức AVSE Global.

Ngày 11/8/2023, Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh tổ chức họp và thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị với số phiếu 28/28, đạt tỷ lệ 100%. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 7016/BC-HĐTD ngày 28/8/2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh, UBND tỉnh có Công văn số 4504/UBND-TH ngày 05/9/2023 chỉ đạo các sở, ngành, địa phương và đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh.

Đến nay, cơ quan lập quy hoạch đã hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát theo quy định; dự kiến sẽ hoàn thành rà soát, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 12/2023.

## B. NỘI DUNG TRÌNH THÔNG QUA QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG TRỊ THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHìn ĐẾN NĂM 2050

### I. PHẠM VI TRANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi lập Quy hoạch tỉnh Quảng Trị bao gồm toàn bộ tỉnh Quảng Trị, với diện tích tự nhiên trên đất liền và đảo Cồn Cỏ là: 4.701,23 km<sup>2</sup>, với 10 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Đông Hà, Thị xã Quảng Trị và 8 huyện (Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa, Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng và huyện đảo Cồn Cỏ).

Phần không gian biển được nghiên cứu lập quy hoạch có ranh giới trong là đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm (18,6 năm) và ranh giới ngoài cách đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm một khoảng cách 06 hải lý đối với vùng biển ven bờ và vùng biển quanh đảo Cồn Cỏ với phạm vi 06 hải lý xung quanh đảo.

Ranh giới toạ độ địa lý của tỉnh Quảng Trị là khoảng 16°18' đến 17°10' vĩ độ Bắc, 106°32' đến 107°34' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Phía Nam giáp huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế; Phía Đông giáp Biển Đông; Phía Tây giáp tỉnh Savanakhet và Salavan (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

### II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHìn, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN; CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

#### 1. Quan điểm phát triển

1.1. Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đảm bảo thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, đồng thời phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia.

1.2. Phát triển tỉnh Quảng Trị theo hướng xanh và bền vững, tương xứng với tiềm năng lợi thế, dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích nghi, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

1.3. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế để có cơ chế, chính sách khai thác có hiệu quả sớm nhất thời cơ và lợi thế trong kỳ quy hoạch; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

1.4. Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, đồng bộ. Ưu tiên những dự án quan trọng, tạo sự đột phá và có tác động lan tỏa lớn; trọng tâm là các công trình, lĩnh vực kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm phát huy hiệu quả kinh tế.

1.5. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, trọng tâm là tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, nâng cao chất lượng, hiệu quả ngành công nghiệp, phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển kinh tế biển, kinh tế tuần hoàn và năng lượng tái tạo, gắn với xây dựng nông thôn mới một cách hiệu quả, bền vững. Chú trọng thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.6. Thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thúc đẩy nhanh chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; thực hiện thí điểm các mô hình sản xuất mới; tập trung hỗ trợ mọi mặt (thủ tục đầu tư, đất đai, hạ tầng, xúc tiến việc làm, chính sách thuế...) để thu hút đầu tư, tạo sức lan tỏa và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; đặc biệt là các lĩnh vực được xác định là trọng điểm và đột phá.

### 1.7. Quan điểm về thúc đẩy liên kết vùng:

- Quy hoạch phải dựa trên lợi thế so sánh của tỉnh Quảng Trị trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ để phát huy tiềm năng của tỉnh, đặc biệt là về kinh tế biển, năng lượng sạch và dịch vụ - logistics trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, Bắc - Nam, du lịch sinh thái, để liên kết phát triển trong vùng, tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài, cũng như phát huy nội lực để nâng cao tốc độ tăng trưởng;

- Liên kết phát triển các vùng trong tỉnh, là vị trí trung tâm liên kết nội vùng của khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ với ngoại vùng theo hướng Đông - Tây, đưa Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, trọng tâm là Khu bến cảng Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực và thế giới; tạo sự phân công hợp tác giữa các địa phương trong tỉnh nhằm phát huy có hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với chất lượng tăng trưởng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm cho từng địa phương.

## 2. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Trị trở thành tỉnh có nền kinh tế vững mạnh với cơ cấu chính là công nghiệp - dịch vụ và là một trong những động lực phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, sớm hình thành trung tâm Hydro xanh Hải Lăng, Hướng Hóa (nhà máy năng lượng mặt trời, điện gió và nhà máy sản xuất Hydro - Amoniac) trong Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; một trong những trung tâm năng lượng sạch của vùng và cả nước; tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây và là hạt nhân quan trọng trong chuỗi cung ứng thương mại, du lịch, vận tải và logistics giữa Quảng Trị với các nước gồm Lào, Thái Lan, Myanmar và các nước Đông Nam Á, Tây Á. Liên kết Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với Khu công nghiệp Phong Điền (Thừa Thiên - Huế) để thành lập đặc khu kinh tế cửa mở Biển Đông.

## 3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

### 3.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển tỉnh Quảng Trị đạt trình độ phát triển thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước và có cơ cấu kinh tế cơ bản là một tỉnh công nghiệp - dịch vụ; phát triển hài hòa giữa các mục tiêu: kinh tế - xã hội - môi trường - an ninh quốc phòng - hợp tác khu vực, quốc tế; chủ động ứng phó hiệu quả với thiên tai và các tác động của biến đổi khí hậu. Tập trung đầu tư, hoàn thành đưa vào khai thác, phát huy hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo bước phát triển đột phá cho giai đoạn tiếp theo. Ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào tất cả các ngành, lĩnh vực để nhanh chóng số hóa nền kinh tế, cũng như rút ngắn tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của tỉnh, hướng tới mục tiêu cao nhất và cuối cùng là cải thiện và nâng cao hơn nữa đời sống nhân dân.

Khai thác hiệu quả các lợi thế của tỉnh trên tuyến hành lang hạ tầng theo hướng Bắc - Nam, hành lang Đông - Tây và khai thác hợp lý dải không gian ven biển , trở thành một trong những trung tâm kinh tế tổng hợp của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, trung tâm hậu cần và trung chuyển hàng hóa của khu vực Đông Nam Á và các hành lang giao thông trong khu vực ASEAN, tiểu vùng sông Mêkông (GMS). Sớm hiện thực hóa hành lang khu kinh tế cửa khẩu La Lay - cảng Mỹ Thủy (Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị) theo Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 3/11/2022.

### 3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) giai đoạn 2021-2030 đạt 8,2%/năm trong đó giai đoạn 2021-2025 đạt 7,7%/năm, giai đoạn 2026-2030 đạt 8,7%/năm; (2) Cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP): Nông nghiệp chiếm 10,5%, Phi nông nghiệp chiếm 84,5%, Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,0%; (3) GRDP bình quân đầu người người đạt khoảng 5.500 - 6.500 USD/người; (4) Tổng nhu cầu vốn đầu tư toàn xã hội (giá hiện hành) cả giai đoạn 2021 - 2030 khoảng 434 nghìn tỷ đồng, đến năm 2030 chiếm khoảng 47,4% GRDP; (5) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt trên 7,6%/năm; (6) Thuộc nhóm trung bình khá của cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI); (7) Thuộc nhóm khá của cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI);

- Về xã hội: (1) Tổng quy mô dân số năm 2030 là khoảng 1.060.000 người, trong đó, dân số thường trú khoảng 700.000 người; (2) Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 42% - 48%; (3) Số bác sĩ/1 vạn dân là 12 bác sĩ; (4) Số giường bệnh/1 vạn dân là 37 giường; (5) Chỉ số phát triển con người (HDI) 2030 đạt trên 0,75; (6) Giảm tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động xuống còn khoảng 2%; (7) Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1 - 1,5%/năm; (8) 70% trường học công lập được công nhận đạt chuẩn quốc gia; (9) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 85%; (10) 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; (11) Trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế; (12) Thiết chế văn hóa cơ sở: 80% cấp huyện có Nhà thi đấu; 100% Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã và Nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn; 100% khu công nghiệp có trung tâm văn hóa, thể thao.

- Về tài nguyên và môi trường: (1) Duy trì tỷ lệ che phủ rừng trên 49%, nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn và phục hồi rừng phòng hộ ven biển; (2) 99% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; (3) 98% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; (4) 100% khu, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường; (5) Trên 40% số đô thị có hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường; (6) 100% các cơ sở sản xuất được cấp giấy phép môi trường, xử lý dứt điểm các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích (làng nghề, chợ, tôn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, bãi rác...), không để phát sinh các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng mới. (7) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 90-100%; nông thôn đạt 80-90%; Xử lý 100% chất thải rắn nguy hại.

#### **4. Các khâu đột phá phát triển trong giai đoạn quy hoạch:**

4.1. Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ để tạo điều kiện phát huy các tiềm năng phát triển của tỉnh. Tập trung huy động đa dạng hóa các nguồn lực nhằm đẩy nhanh triển khai thực hiện các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh như: Cảng hàng không Quảng Trị; cảng biển Mỹ Thủy; đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông - Tây, Quốc lộ 15D - GĐ1 (kết nối cảng Mỹ Thủy với đường bộ cao tốc Cam Lộ - La Sơn); Cửa Việt - Lao Bảo; La Lay - Mỹ Thuỷ... và hệ thống giao thông liên vùng có tính kết nối cao như tuyến tránh phía Tây Quốc lộ 1; Đường Hùng Vương kéo dài,... đảm bảo đến năm 2030 cơ bản kết nối thông suốt bằng loại hình giao thông tốc độ cao dọc theo trục động lực Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây (bao gồm 02 tuyến Mỹ Thủy - La Lay và Đông Hà - Lao Bảo); Phát triển Khu bến cảng nước sâu Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực và thế giới.

4.2. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh năng động của khu vực Bắc Trung Bộ. Phấn đấu đến năm 2025 nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, các chỉ số thành phần về chỉ số PCI và chỉ số cải cách hành chính của tỉnh sẽ được nâng dần vị trí xếp hạng, mỗi năm tăng từ 3-5 bậc, nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành Khá . Đến năm 2030, xây dựng tỉnh Quảng Trị thành tỉnh năng động về môi trường kinh doanh và đầu tư.

#### **4.3. Thực hiện chuyển đổi số:**

Đến năm 2025, thực hiện chuyển đổi số hướng tới Chính phủ số, xã hội số và kinh tế số song song với chuyển đổi nhận thức; kiến tạo thể chế; phát triển hạ tầng số; phát triển nền tảng số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Chuyển đổi số ở một số lĩnh vực trọng điểm như: hành chính công, giao thông, giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch,...đạt được những thành tựu nhất định góp phần phát triển kinh tế của tỉnh nhanh và bền vững.

Đến năm 2030, hoàn thành thực hiện chuyển đổi số ở cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số gắn kết với cải cách hành chính và đô thị thông minh. Thực hiện đổi mới quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số; đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số an toàn, rộng khắp.

4.4. Chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền cơ chế vượt trội để khai thác tiềm năng, thế mạnh là tinh đầu cầu trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây. Phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu của tỉnh, trong đó, nhấn mạnh vào việc tăng cường khả năng phối hợp giữa các bên có liên quan, bao gồm các cơ quan cấp quốc gia, các cơ quan cấp tỉnh; các đơn vị giáo dục - đào tạo và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường sinh sống và làm việc hấp dẫn nhằm thu hút nhân tài trong và ngoài nước. Từng bước hình thành thị trường lao động cung cấp cho khu vực và hành lang Đông - Tây.

### **III. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI; PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC**

#### **1. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội**

Không gian phát triển toàn tỉnh Quảng Trị được tổ chức thành các hành lang phù hợp với điều kiện sinh thái, tiềm năng phát triển của mỗi tiểu vùng. Gồm: (1) Hành lang phát triển trung tâm (vùng đồng bằng cao và trung du) - là vùng trọng điểm phát triển kinh tế công nghiệp, du lịch, dịch vụ, đào tạo... và đô thị, gắn với hành lang hạ tầng kỹ thuật quốc gia theo hướng Bắc - Nam; (2) Hành lang phát triển ven biển, với trọng tâm là khu công nghiệp khí, công nghiệp đa ngành khai thác lợi thế cảng biển, đô thị du lịch sinh thái biển và sinh thái vùng cát ven biển gắn với phục hồi hệ sinh thái; (3) Các hành lang phát triển Đông - Tây: Khai thác tiềm năng và lợi thế của hành lang quốc tế Đông - Tây, kết nối cửa khẩu Quốc tế La Lay - Cảng Mỹ Thủy và kết nối Cửa khẩu Lao Bảo - Đông Hà - Cửa Việt, phát triển logistic, du lịch, nâng cao chất lượng môi trường sống của dân cư, hỗ trợ phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với cộng đồng và du lịch sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng...; Kết nối các hành lang kinh tế nội tỉnh khác theo hướng Đông - Tây, phát huy các tiềm năng đa dạng trong mỗi tiểu vùng. (4) Hành lang phát triển biên giới: Gắn với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, kết nối với các hành lang Đông - Tây để phát triển kinh tế vùng biên giới Việt - Lào, tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực vùng núi, tổ chức một số điểm cao ngắm cảnh, chiêm ngưỡng sự hùng vĩ của dãy Trường Sơn từ trên cao, kết hợp với phát triển các điểm dân cư và đô thị gắn với du lịch sinh thái núi, tổ chức trải nghiệm văn hóa cộng đồng, dân tộc.

Các vùng trọng điểm phát triển bao gồm Hành lang phát triển trung tâm và Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Quảng Trị; cụ thể:

1.1. Tập trung phát triển vùng kinh tế và đô thị trung tâm trong dải đồng bằng cao và vùng đồi thấp từ Quốc lộ 1 đến đường bộ cao tốc, tại khu vực địa hình cao tại phía Bắc thị trấn Diên Sanh; trong đó:

- Các đô thị hiện hữu đóng vai trò trung tâm, đồng thời, ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng để tạo thêm động lực phát triển, phát huy tiềm năng của các khu dân cư sẵn có, nâng cao chất lượng môi trường sống trong vùng, kích thích chuyển dịch dân số cơ học;

- Ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch, có thể bổ sung các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển không gian. Trong đó, ưu tiên và khuyến khích phát triển công nghiệp, dịch vụ có yêu cầu quỹ đất lớn dọc các tuyến Đông - Tây và dọc theo đường bộ cao tốc, đường Quốc lộ 1, nhưng cần đảm bảo không nằm trong vùng lưu vực của các hồ và các sông có nhiệm vụ cấp nước sinh hoạt;

- Bảo vệ môi trường lưu vực các hồ thuỷ lợi và những con sông có vai trò là nguồn cấp nước; Đan xen dân cư hoặc các điểm dịch vụ du lịch nhỏ khai thác cảnh quan các hồ; Phát triển vườn đồi, trang trại.

- Xây dựng đường tránh Quốc lộ 1 về phía Tây để nâng cao chất lượng chuỗi đô thị chính của tỉnh và tạo thêm động lực phát triển cho vùng phía Tây.

1.2. Ưu tiên dải ven biển cho đô thị du lịch và phục hồi rừng phòng hộ, kết nối với đảo Cồn Cỏ. Đồng thời, tiếp tục thực hiện một số định hướng phát triển công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam (hai bên đường trục Bắc Nam của khu kinh tế và khu vực gần cảng biển, gần sân bay) và các tổ hợp (nhà máy) nuôi trồng thủy sản hiện đại - thân thiện môi trường và du lịch, trong dải vùng cát ven biển; Khuyến khích phát triển các tổ hợp công nghiệp kết hợp với dịch vụ và đô thị/dân cư; Duy trì và mở rộng dải rừng phòng hộ ven biển; Phục hồi môi trường vùng rừng sinh thái vùng cát, phát triển dịch vụ môi trường, đan xen các khu du lịch và dân cư phát triển mới trong vùng rừng; Phát triển khu vực du lịch ven biển huyện Gio Linh, Vĩnh Linh; Xây dựng sân bay tại Gio Linh và cảng biển tại Mỹ Thủy;

1.3. Phục hồi, bảo tồn sinh thái vùng núi cao, đan xen với phát triển du lịch sinh thái bền vững; Phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với thương mại, dịch vụ, logistic, trung tâm hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái. Trong đó, khu vực cửa khẩu Lao Bảo và La Lay có tính chất chính là du lịch sinh thái, thương mại và logistic; Phát triển Khu kinh tế thương mại (KTTM) xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đen-sa-văn.

1.4. Phát triển đa dạng, tạo cơ hội tiếp cận thuận lợi với tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu đầu tư, thông qua quy hoạch linh hoạt: Tích cực chào đón các doanh nghiệp lớn, nhưng coi trọng, hỗ trợ và đánh giá đúng tầm quan trọng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ để đảm bảo phát triển bền vững.

1.5. Mọi hoạt động kinh tế đều cần quan tâm đến khía cạnh cảnh quan, công nghệ, tương tác với cộng đồng để hỗ trợ phát triển du lịch. Phát triển một hệ sinh thái du lịch đa dạng, liên kết với các hoạt động kinh tế khác, gắn với chương trình nâng cấp chất lượng môi trường sống của dân cư.

## **2. Phương án phân vùng chức năng không gian biển**

2.1. Vùng chú trọng bảo tồn, bảo vệ và phát triển kinh tế (vùng I): Vùng bảo tồn (I.A) là vùng tập trung các sinh cảnh, hệ sinh thái quan trọng, như rừng ngập mặn, rạn san hô, thảm cỏ biển, rong biển và các loài sinh vật, động vật có tính đa dạng sinh học cao, vùng có các hệ sinh thái hỗ trợ sự sống của các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm và bị đe dọa...; Vùng bảo vệ và phát triển lâm nghiệp (I.B) là vùng có diện tích rừng phòng hộ và rừng sản xuất, có vai trò phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái của rừng, giảm thiểu nhẹ những tác động của thiên tai và các ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

2.2. Vùng phát triển kinh tế (vùng II): Vùng phát triển đô thị du lịch và dịch vụ biển (vùng II.A) là vùng có tiềm năng phát triển khu đô thị du lịch - nghỉ dưỡng, thương mại - dịch vụ ven biển; Vùng hoạt động cảng và giao thông, vận tải biển (vùng II.B) là vùng cảng biển, bến tàu và các vùng nước sử dụng cho vận tải biển cũng như các hoạt động thương mại, dịch vụ liên quan; Vùng phát triển công nghiệp (vùng II.C) là vùng có sự thay đổi mạnh để đáp ứng được các

hoạt động phát triển công nghiệp (phụ thuộc vào biển và có thể phát triển tốt hơn nhờ biển) - vùng được chỉ định và quản lý theo mục đích sử dụng riêng cho các hoạt động phát triển công nghiệp và kinh tế; Vùng phát triển nông nghiệp (vùng II.D) là vùng có tiềm năng và hoạt động phát triển nông nghiệp như cây lương thực (cây lúa...), cây công nghiệp; Vùng phát triển nuôi trồng thủy sản (vùng II.E) là vùng cửa sông có địa hình thấp, vùng đất bị ảnh hưởng tình trạng xâm nhập mặn và không phù hợp cho phát triển các ngành kinh tế khác; Vùng phát triển đa mục tiêu (II.F) là trung tâm phát triển đô thị đa ngành tạo động lực phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2.3. Vùng khai thác thủy sản: Vùng khai thác thủy sản ven bờ (vùng III.A) là vùng nước ven bờ của tỉnh Quảng Trị trong phạm vi tuyến bờ (Nghị định 33/2010/NĐ-CP), ngoại trừ các vùng nước thuộc phạm vi các vùng hoạt động cảng, du lịch và bảo tồn biển Cồn Cỏ; Vùng khai thác thủy sản xa bờ (vùng III.B) là vùng biển tỉnh Quảng Trị có phạm vi bên ngoài vùng khai thác thủy sản ven bờ (tuyến bờ Nghị định 33/2010/NĐ-CP) và vùng bảo tồn biển Cồn Cỏ.

### **3. Phương hướng phát triển ngành quan trọng**

#### **3.1. Ngành năng lượng**

Tập trung phát triển năng lượng tái tạo gồm điện gió, điện khí, điện mặt trời: Uu tiên tạo điều kiện hoàn thành các nhà máy điện gió trên địa bàn tỉnh đã có trong quy hoạch điện quốc gia; Tiếp tục phát triển thêm các nguồn điện gió và điện mặt trời tại vùng tiềm năng gió trên bờ ở khu vực phía Tây, vùng tiềm năng gió trên biển và vùng tiềm năng mặt trời ở phía Đông của tỉnh.

Tiếp tục triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, mở rộng hồ chứa thủy lợi, kết hợp cải thiện hệ thống thủy lợi và khả năng ứng phó với thiên tai trên các lưu vực sông của tỉnh.

Tập trung đầu tư các nguồn nhiệt điện khí và ngành công nghiệp khí tại khu vực Đông Nam của tỉnh, tận dụng có hiệu quả các nguồn khí trong nước cũng như nguồn khí hóa lỏng nhập khẩu.

Gắn liền phát triển nguồn điện với việc đảm bảo điều kiện về môi trường, bảo vệ rừng, dự trữ khoáng sản, thu hút, phát triển nguồn lao động trong và ngoài tỉnh phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ nguồn điện mới.

Bố trí quỹ đất phù hợp để xây dựng hệ thống điện truyền tải đồng bộ nguồn điện, đặc biệt là các công trình lưới điện 500 kV nhằm cung cấp liên kết giữa tỉnh Quảng Trị với lưới điện truyền tải quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải phóng và truyền tải công suất tới các trung tâm phụ tải của cả nước.

Nghiên cứu và triển khai công nghệ sản xuất khí hydro xanh và khí amoniac xanh từ các nguồn năng lượng tái tạo, thúc đẩy quá trình chuyển đổi nhiên liệu cho các nhà máy điện sử dụng năng lượng hóa thạch trên địa bàn, hoàn thiện chuỗi giá trị bao gồm năng lượng tái tạo - sản xuất hydro xanh hoặc amoniac xanh - nhiệt điện sử dụng nhiên liệu xanh thay thế cho nhiên liệu hóa thạch sử dụng trong các nhà máy điện được đầu tư trong giai đoạn trước.

### 3.2. Ngành du lịch

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, hình thành thương hiệu du lịch Quảng Trị trên cơ sở khai thác, phát huy lợi thế về sinh thái, văn hoá, biển đảo, tạo lập và khai thác giá trị biểu tượng về sự hồi sinh mạnh mẽ từ đốt nát do chiến tranh tàn phá, ký ức chiến tranh - khát vọng hòa bình... và kết nối liên vùng trong hệ thống du lịch di sản miền Trung, cùng các hành lang kinh tế quốc gia, quốc tế. Đặc biệt là phát triển sản phẩm du lịch DMZ trở thành sản phẩm du lịch đặc thù, gắn với bài học về Chiến tranh và giá trị của Hòa bình; Phát triển sản phẩm du lịch gắn với Trung tâm Hành hương Đức Mẹ La Vang trở thành sản phẩm du lịch thế mạnh của tỉnh; Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng tại khu vực ven biển, ven các hồ và tại vùng núi phía Tây, tạo thành một trong những sinh kế bền vững cho các cộng đồng dân cư bản địa.

Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng tại các khu dân cư và đô thị du lịch, các khu du lịch cộng đồng, các khu/điểm du lịch. Phát huy giá trị của các hành lang và hạ tầng giao thông quốc gia, quốc tế, phát triển Quảng Trị trở thành đầu mối tiếp nhận luồng khách trực tiếp từ các thị trường nguồn lớn, mang lại hiệu quả cao hơn trong phát triển du lịch của tỉnh.

Thu hút các nhà đầu tư chiến lược tạo động lực phát triển du lịch, song hành với hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, du lịch cộng đồng. Phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, thời đại cách mạng công nghiệp 4.0; Phát triển du lịch thông minh, du lịch số,...

Gắn phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, cảnh quan, ứng phó biến đổi khí hậu, tương tác với cộng đồng để hỗ trợ phát triển du lịch. Phát triển một hệ sinh thái du lịch đa dạng, dựa trên nền tảng sinh thái và cảnh quan môi trường tự nhiên, liên kết với các hoạt động kinh tế khác, gắn với chương trình nâng cấp chất lượng cuộc sống của người dân.

### 3.3. Ngành Dịch vụ logistic

Xây dựng kết cấu hạ tầng logistic đồng bộ với hệ thống giao thông, trọng tâm là tại khu vực Cam Lộ, Gio Linh, Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, cửa khẩu quốc tế La Lay, tại các điểm kết nối và trung chuyển giữa các loại hình giao thông; phát triển cảng Mỹ Thuỷ trở thành trung tâm trung chuyển hàng hoá của khu vực và Thế giới, phát huy hiệu quả kết nối giữa tỉnh Quảng Trị với các tỉnh thành trong cả nước và quốc tế, thông qua các hành lang hạ tầng quốc gia và hành lang kinh tế Đông - Tây.

Tập trung phát triển hạ tầng thương mại đô thị và nông thôn. Xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác trung tâm thương mại, siêu thị và một số chợ đầu mối, chợ nông sản, thủy hải sản...; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các thủ tục hải quan, xây dựng hạ tầng logistics đủ mạnh để giảm được chi phí vận chuyển, giảm các khâu trung gian, tạo lợi thế cạnh tranh.

### 3.4. Ngành công nghiệp

Quy hoạch các khu vực ưu tiên phát triển công nghiệp lấy dải không gian vùng đồng bằng cao và trung du làm trọng điểm, kết hợp với khai thác hợp lý Khu kinh tế Đông Nam, Khu kinh tế Lao Bảo, La Lay.... Trong đó, ưu tiên các quỹ đất lớn, thuận lợi chuyển đổi chức năng tại các khu vực có thể kết nối thuận lợi với đường bộ cao tốc Bắc - Nam hoặc các hướng kết nối Đông - Tây từ đường cao tốc Bắc - Nam ra đến biển để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất quy mô lớn. Ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được quy hoạch, có thể bổ sung các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp phù hợp với định hướng không gian phát triển.

Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp chủ lực: công nghiệp chế biến gỗ, chế biến thủy sản; công nghiệp hóa chất, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghiệp cơ khí, chế tạo; công nghiệp dệt may, da giày và các ngành công nghiệp hỗ trợ. Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến với công nghệ tiên tiến, công nghệ cao.

### 3.5. Ngành nông, lâm nghiệp và thuỷ sản

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ để tạo ra giá trị lớn hơn, với nhiều sản phẩm đặc sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Phát huy tiềm năng, lợi thế từng tiểu vùng sinh thái, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, công nghệ cao về giống, công nghệ sinh học, kỹ thuật sản xuất và thu hoạch, bảo quản, sơ chế, chế biến và kết nối thị trường tiêu thụ. Phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực theo hướng sản xuất hàng hóa, hiện đại, áp dụng hệ thống thực hành nông nghiệp tốt (GAP, hữu cơ, an toàn thực phẩm và các chứng nhận tương đương...), nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích sản xuất hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, lấy chất lượng, giá trị gia tăng thay vì số lượng.

Xây dựng ngành lâm nghiệp thực sự trở thành một ngành kinh tế - kỹ thuật phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn. Phát triển rừng trồng nguyên liệu chất lượng cao hướng đến trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung.

Phát triển nông - lâm nghiệp đô thị với nhiều chức năng bên ngoài việc sản xuất nông - lâm sản, như: cảnh quan, hạ tầng xanh, sinh thái, du lịch, nghỉ dưỡng,... để nâng cao giá trị trên diện tích đất canh tác.

Duy trì một số khu vực khai thác, nuôi trồng thủy sản tập trung ở các huyện Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh. Áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm đánh bắt thuỷ sản ở các trường truyền thống. Tiếp tục phát triển các cơ sở chế biến thuỷ sản hiện đại, đảm bảo môi trường và sản phẩm chất lượng cao.

#### **4. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế khác**

##### **4.1. Nhóm ngành thương mại, tài chính và các ngành dịch vụ khác**

Tập trung phát triển nhóm các ngành thương mại, tài chính, dịch vụ gắn với các trung tâm đô thị, du lịch, logistic và các trung tâm sản xuất kinh tế, phục vụ dân sinh...; Cải tạo, nâng cấp các chợ trung tâm huyện, thành thị; Xây dựng các chợ đầu mối bán buôn cấp tỉnh, trong đó, một số chợ để tiếp tục phát triển thành các sàn giao dịch, các trung tâm đấu giá; Phát triển các loại hình trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, kho hàng, trung tâm logistics nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống, hỗ trợ các ngành khác phát triển.

Gắn phát triển xuất khẩu với xây dựng chuỗi cung ứng hàng hóa đối với từng sản phẩm. Chú trọng phát triển các thị trường trọng điểm truyền thống, tích cực và chủ động tìm kiếm các thị trường mới.

Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử, sử dụng rộng rãi trong toàn xã hội.

Phát triển hệ thống hạ tầng cung ứng, dự trữ xăng dầu, khí đốt đảm bảo đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh.

##### **4.2. Ngành khoáng sản**

Tập trung rà soát, đánh giá trữ lượng mỏ các loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh, có kế hoạch phân bổ khai thác sử dụng hợp lý, tăng cường thăm dò thêm các mỏ đá xây dựng, đáp ứng nhu cầu cho các ngành, sản phẩm chế biến trên địa bàn tỉnh như: sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất, phân bón, que hàn, khai thác và chế biến cát trắng. Duy trì mức độ khai thác khoáng sản ở mức tăng trưởng ổn định, cân đối và bền vững, bảo vệ môi trường. Đầu tư phát triển về công nghệ, kỹ thuật và nguồn nhân lực chất lượng cao để tối đa hóa lợi nhuận và giảm chi phí vận hành, phát sinh trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản,... Chú trọng nghiên cứu thăm dò, đánh giá tác động môi trường và tiến hành khai thác đất san lấp, phục vụ cho nhu cầu phát triển đô thị. Xác định các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản chưa khai thác, cấm khai thác cần bảo vệ với từng loại khoáng sản.

##### **4.3. Ngành sản xuất vật liệu xây dựng**

Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt trình độ tiên tiến, hiện đại; sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước. Loại bỏ hoàn toàn công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường. Xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tính cạnh tranh mạnh trên thị trường quốc tế. Hạn chế xuất khẩu những sản phẩm sử dụng nhiều nguyên liệu, nhiên liệu là tài nguyên khoáng sản không tái tạo. Khai thác tốt các mỏ đá quy hoạch xi măng dọc đường 9.

## IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

### **1. Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã**

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030 ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị.

Phạm vi ranh giới cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thời kỳ quy hoạch tỉnh.

Việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện có thể ảnh hưởng đến một số xã lân cận.

Ưu tiên sắp xếp các đơn vị hành chính đô thị trước, sau đó sẽ sắp xếp các đơn vị hành chính nông thôn sau.

Thị xã Quảng Trị có các yếu tố đặc thù về lịch sử hình thành, lịch sử truyền thống cách mạng, đặc biệt, di tích Thành cổ Quảng Trị được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, nơi đây đã trở thành điểm hẹn truyền thống của mọi thế hệ cựu chiến binh, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân khắp mọi miền của Tổ quốc. Ngoài ra, huyện Hải Lăng đã có định hướng lên thị xã vào giai đoạn 2030 - 2040 nên sẽ có sự thay đổi một số chỉ tiêu về quy mô dân số, diện tích, số lượng đơn vị hành chính... Do đó đề xuất chưa sắp xếp thị xã Quảng Trị trong giai đoạn đến năm 2030. Đến khi huyện Hải Lăng được nâng cấp lên thị xã, sẽ đồng thời tiến hành việc sắp xếp đơn vị hành chính đối với thị xã Quảng Trị theo hướng sẽ mở rộng về phía Nam và phía Tây.

Thành phố Đông Hà định hướng quy hoạch mở rộng về 4 phía, ưu tiên hướng Tây và hướng Bắc.

Huyện Cam Lộ định hướng sắp xếp với các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề về phía Đông, phía Bắc.

### **2. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị**

Đến năm 2030, toàn tỉnh có 18 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II (Thành phố Đông Hà); 01 đô thị loại IV/III (Thị xã Quảng Trị và vùng phụ cận); 03 đô thị loại IV (thị trấn Hồ Xá, Lao Bảo, Khe Sanh); 04 đô thị loại V/IV (thị trấn Gio Linh, Ái Tử, Cam Lộ, Diên Sanh), 09 đô thị loại V trong đó: 04 đô thị hiện hữu (Bến Quan, Cửa Tùng, Cửa Việt mở rộng, Krông Klang); 05 đô thị thành lập mới là Nam Cửa Việt, Sòng, Tà Rụt, Lìa, La Vang và một số khu vực phát triển đô thị mới (Cùa, Hải Chánh, Hướng Phùng, khu đô thị sân bay Quảng Trị và một số khu vực khác).

Đến năm 2050, toàn tỉnh có 19 đô thị, gồm 01 đô thị loại II (Thành phố Đông Hà); 01 đô thị loại III (Thị xã Quảng Trị và vùng phụ cận); 09 đô thị loại IV (Thị trấn Hồ Xá, Gio Linh, Cam Lộ, Ái Tử, Lao Bảo, Khe Sanh, đô thị Cửa Việt, đô thị Nam Cửa Việt và thị xã Hải Lăng - được nâng cấp từ huyện Hải Lăng); 08 đô thị loại V, gồm 06 đô thị hiện hữu (Bến Quan, Cửa Tùng, Krông Klang, Lìa, Sòng và Tà Rụt), 02 đô thị phát triển mới là Cùa, Hướng Phùng và khu vực phát triển đô thị mới bao gồm tổ hợp công nghiệp, dịch vụ và đô thị gần sân bay Quảng Trị.

### **3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn**

Xây dựng mô hình phát triển bền vững, trên cơ sở duy trì tối đa sự ổn định của hệ thống khu dân cư sẵn có, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và môi trường sản xuất. Đồng thời, phát triển các khu vực dân cư mở rộng (các khu giãn dân, các trung tâm xã) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại của dân cư nông thôn; phát triển nông nghiệp truyền thống theo hướng nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao gắn với du lịch sinh thái, gắn nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ, kiểm soát chặt chẽ về vấn đề môi trường. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn (giao thông, hệ thống cung cấp nước sạch và thoát nước thải...), bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường; triển khai các mô hình bổ sung các khu chức năng phục vụ nâng cao đời sống dân cư và tạo việc làm tại nông thôn. Xây dựng mối liên kết phát triển nông thôn với các đô thị, nhằm nâng cao khả năng tiếp cận với các dịch vụ của đô thị, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Triển khai giải pháp xã thông minh để tăng cường liên kết, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Đặc biệt chú ý quy hoạch khu vực xây dựng các cơ sở chế biến và giới thiệu các sản phẩm nông thủy sản được tập kết từ các vùng nguyên liệu xung quanh.

### **4. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn**

Phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, xác định một số sản phẩm chủ lực. Đẩy mạnh phát triển sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Tập trung khai thác luồng du lịch theo tuyến hành lang kinh tế Đông Tây qua Quốc lộ 9 và các cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay, khai thác các giá trị văn hóa, sinh thái gắn với môi trường sống của các vùng dân cư. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo ở vùng dân tộc thiểu số. Mở rộng dạy và học ngôn ngữ dân tộc thiểu số; tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số. Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, dân số có chất lượng cho đồng bào. Chú trọng đầu tư hệ thống giao thông nội vùng; Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các công trình thủy lợi, hoàn chỉnh hệ thống kênh mương, công trình trên kênh, tăng tỷ lệ diện tích được cấp nước, khả năng tiêu thoát. Đầu tư, nâng cấp các hệ thống điện tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định. Tiếp tục duy trì các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn hoạt động bền vững.

## V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

### 1. Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế

Phát triển Khu Kinh tế Đông Nam thành Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, là điển hình của phát triển hài hoà và hiệu quả giữa 3 lĩnh vực kinh tế - môi trường - năng lượng (3E: Economy - Environment - Energy), trở thành cực phát triển quan trọng của vùng Trung Bộ, trung tâm giao thương quốc tế, trung tâm công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất điện năng...; cảng biển lớn của vùng Trung Bộ; sân bay hoạt động hiệu quả. Chú trọng phát triển đô thị du lịch ven biển gắn với phục hồi rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn và rừng vùng cát; Phát triển các tổ hợp công nghiệp - dịch vụ, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản công nghệ cao. Nghiên cứu mở rộng không gian phát triển Khu Kinh tế Đông Nam, gắn kết với các khu vực thuận lợi phát triển dọc hành lang đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đặc biệt là dọc đường Quốc lộ 15D kết nối từ đường bộ cao tốc ra đến khu vực ven biển.

Lập Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, xây dựng Khu kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo thành trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch tổng hợp, hướng tới hình thành Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo (Việt Nam) - Đensavă̄n (Lào) trên cơ sở Khu kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo hiện nay với tính chất là đô thị thương mại - du lịch biên giới có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao thương, giao lưu văn hoá giữa các nước trên hành lang kinh tế Đông - Tây; áp dụng các chính sách ưu đãi cao nhất theo quy định pháp luật hiện hành đối với hoạt động thương mại biên giới, đủ sức cạnh tranh khu vực, quốc tế; bảo đảm các tiêu chí bảo vệ môi trường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xanh và bền vững.

Xây dựng Khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay trở thành Khu kinh tế cửa khẩu, là động lực phát triển mới của tỉnh Quảng Trị, góp phần đưa Quảng Trị trở thành một cực phát triển trên Hành lang Đông - Tây. Tăng cường hợp tác với nước bạn Lào, đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại dịch vụ, du lịch, logistic, giáo dục và y tế trên tinh thần cùng có lợi, hợp tác phát triển; Đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt giao thông, thương mại dịch vụ, du lịch, giáo dục và y tế nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giao thương, giao lưu văn hoá giữa hai nước cũng như giữa các nước trên hành lang kinh tế Đông - Tây.

### 2. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp

Khu Công nghiệp Nam Đông Hà: Diện tích 99ha, tổ chức thành tổ hợp công nghiệp - dịch vụ và đô thị để phát huy giá trị tích hợp và tương hỗ của các chức năng này với các ngành công nghiệp chủ yếu là: lắp ráp điện, điện tử, dệt may, chế biến chế tạo... Nghiên cứu di dời khu công nghiệp Nam Đông Hà ra khỏi thành phố Đông Hà để đảm bảo vấn đề môi trường, phát triển đô thị xanh.

Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá: Tiếp tục hoàn thiện khu A với diện tích 200,95ha (đất khu công nghiệp 160,58 ha gồm đất xây dựng nhà máy, kho tàng 118,58 ha; đất công cộng 42,64 ha; khu nhà ở công nhân 40,18 ha); đầu tư xây dựng khu B diện tích 138,41ha (đất khu công nghiệp 160,58 ha gồm đất xây dựng nhà máy, kho tàng 118,58 ha; đất công cộng 42,64 ha; khu nhà ở công nhân 40,18 ha); tổng diện tích toàn khu công nghiệp năm 2030 là 339,36ha; tập trung phát triển một số ngành như: sản xuất chế biến gỗ, phân bón, chế biến thủy sản và điện, pin năng lượng mặt trời, rượu bia giải khát và may mặc...

Khu công nghiệp Quán Ngang: Xây dựng Khu Công nghiệp Quán Ngang giai đoạn 3 là 116,74ha, nâng tổng diện tích khu công nghiệp lên 321,74ha vào năm 2030 (giai đoạn 1 và 2 là 205ha). Tiếp tục tập trung phát triển một số ngành như: chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống; chế biến khoáng sản; hóa chất (sản phẩm nhựa, cao su, phân bón...); dệt may - da giày; cơ khí, chế tạo máy và gia công kim loại, điện - điện tử.

Khu công nghiệp Quảng Trị: Quy mô 481,2ha tại thị trấn Diên Sanh, xã Hải Trường và xã Hải Lâm, huyện Hải Lăng. Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp, tập trung phát triển các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, đồ uống, sửa chữa máy nông nghiệp và phương tiện giao thông, tiểu thủ công nghiệp, may mặc, dệt may, giày da... Định hướng đưa vào Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị

Một số khu công nghiệp trong khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị:

- Khu công nghiệp hỗn hợp chức năng: Xây dựng Khu công nghiệp với diện tích 92,9 ha năm 2030 và giữ nguyên diện tích năm 2050.
- Khu công nghiệp hỗ trợ phát triển khu phức hợp năng lượng: Xây dựng Khu công nghiệp với diện tích 146,7ha năm 2030 và giữ nguyên diện tích đến năm 2050 với các ngành chính là công nghiệp năng lượng;
- Khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú: Triển khai xây dựng khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú tại xã Triệu Trạch, xã Triệu Sơn và xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, nằm trong khu công nghiệp đa ngành Triệu Sơn, Triệu Trạch thuộc Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với diện tích 528,97ha năm 2030;
- Khu công nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực thuộc Khu kinh tế Đông Nam (theo giai đoạn 2): Xây dựng Khu Công nghiệp với diện tích 1.019,77ha năm 2030, các ngành công nghiệp chủ yếu: Công nghiệp tổng hợp đa ngành...;
- Khu công nghiệp sinh thái - Capella Quảng Trị: Triển khai xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp với diện tích 220,47ha (bao gồm diện tích 7,47ha của nhà máy tấm pin năng lượng mặt trời)

### **3. Phương án phát triển khu du lịch**

Khu vực tiềm năng phát triển Khu du lịch quốc gia: Khu du lịch Cửa Việt - Cửa Tùng - Cồn Cỏ, là động lực phát triển du lịch tỉnh, đồng thời là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng biển đảo kết hợp văn hóa lịch sử của vùng Bắc Trung Bộ; đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất để sớm được công nhận là Khu du lịch quốc gia.

Phát triển, hình thành các khu du lịch cấp tỉnh tại các khu vực có tiềm năng phát triển du lịch: Khu du lịch sinh thái thác Ba Vòi tại xã Hướng Hiệp, huyện Đakrông; Khu du lịch sinh thái Brai - Tà Puồng tại xã Hướng Lập và Hướng Việt, huyện Hướng Hóa; Khu du lịch cộng đồng Gio An tại xã Gio An, huyện Gio Linh; Làng Văn hóa du lịch cộng đồng - sinh thái Tùng Luật tại làng Tùng Luật, xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh; Khu du lịch sinh thái Rừng Bàn tại xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong; Khu du lịch thác Chòong tại xã Hải Sơn - Hải Chánh, huyện Hải Lăng; Quần thể du lịch - khách sạn - nghỉ dưỡng, trung tâm thương mại, Văn hóa thể thao tại khu vực Đập tràn Hải Lệ tại xã Hải Lệ, thị xã Quảng Trị; Khu du lịch sinh thái Đá Bàn Đá Nây tại xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ và hình thành các khu du lịch cấp tỉnh khác khi đủ điều kiện.

Thu hút đầu tư, xây dựng một số sân golf kết hợp với các khu nghỉ dưỡng, du lịch, thể thao, vui chơi giải trí, khu đô thị dịch vụ tại các địa điểm thích hợp, có tiềm năng, khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf.

#### **4. Phương án phát triển khu thể dục, thể thao**

Hoàn thành Khu liên hợp thể thao tỉnh Quảng Trị. Đầu tư mới sân tập ngoài trời bóng rổ và đầu tư mới đường chạy Điện kinh tại sân vận động đảm bảo đạt chuẩn phục vụ tập luyện và thi đấu. Xây dựng khu nhà ở cho vận động viên năng khiếu tỉnh tại khu vực phía Nam bể bơi của Khu liên hợp thể thao tỉnh Quảng Trị (phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà).

Xây mới các công trình thể thao tại một số huyện, thị xã: Sân vận động, Nhà thi đấu và luyện tập TDTT thị xã Quảng Trị; sân vận động huyện Hải Lăng; khu liên hợp thể thao huyện Đakrông; nhà thi đấu thể dục thể thao thành phố Đông Hà;...

Tập trung xây dựng một số sân golf kết hợp với các khu nghỉ dưỡng, khu du lịch, vui chơi giải trí, khu đô thị dịch vụ tại các địa điểm thích hợp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch liên quan khác và đảm bảo các quy định của pháp luật.

#### **5. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh**

Lựa chọn các di tích trọng điểm đề nghị xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới nhằm nâng tầm giá trị và làm giàu văn hóa Quảng Trị. Đến năm 2030, có ít nhất 01 hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa thế giới, có ít nhất thêm 01 di tích quốc gia đặc biệt, 01 di tích quốc gia.

Gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của các cộng đồng dân tộc trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên trùng tu, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh đã được công nhận; di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

Tập trung công tác lập quy hoạch các di tích lịch sử - văn hóa, đặc biệt là 04 di tích quốc gia đặc biệt hiện có để có cơ sở lập các dự án bảo tồn và kêu gọi đầu tư.

Đối với di tích cấp tỉnh: Huy động nguồn lực đầu tư từ nguồn ngân sách và xã hội hóa để tu bổ, tôn tạo di tích.

## **6. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung**

### **6.1. Phương án phát triển vùng trồng trọt**

Vùng sản xuất lúa hàng hóa, lúa chất lượng cao tập trung với diện tích khoảng 20.000 ha, trong đó 20% diện tích canh tác hữu cơ, canh tác tự nhiên, tập trung ở các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ.

Vùng sản xuất rau an toàn tập trung theo hướng chất lượng cao tại thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, các huyện Cam Lộ, Hướng Hóa, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng.

Vùng trồng cà phê tập trung tại huyện Hướng Hóa. Phát triển cây hồ tiêu tập trung ở vùng đất đỏ Bazan của các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa. Vùng trồng cây cao su tập trung phía Tây các huyện: Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Hướng Hóa.

Phát triển diện tích trồng chuối tập trung ở xã Tân Long, Tân Thành, 7 xã vùng Lìa thuộc huyện Hướng Hóa và tại huyện Cam Lộ, Đakrông. Tập trung phát triển cây cam tại các huyện Vĩnh Linh, Hải Lăng, Triệu Phong và Cam Lộ.

Quy hoạch phát triển diện tích dược liệu tập trung khoảng 7.000 ha (trồng mới 1.500 ha), trồng ở tất cả các huyện trên địa bàn tỉnh.

### **6.2. Phương án phát triển vùng chăn nuôi**

Nuôi tổng hợp tập trung: Vùng cát của các xã Hải Phú, Hải Định, Hải Lâm (20ha), xã Hải Hưng, Hải Chánh (100ha) xã Hải Trường, Hải Sơn (100ha), Hải Thượng, phía tây thị trấn Diên Sanh huyện Hải Lăng.

Vùng nuôi lợn thịt tại các xã: Hải Phú, Hải Định huyện Hải Lăng; xã Hướng Hiệp, Ba Lòng huyện Đakrông; các xã Cam Tuyền, Cam Nghĩa, Cam Thành huyện Cam Lộ; xã Hướng Linh huyện Hướng Hóa; các xã Vĩnh Tú, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê, Vĩnh Tú huyện Vĩnh Linh; các xã Tân Thành, Lao Bảo, Tân Long, Tân Lập, Tân Liên huyện Hướng Hóa;

Vùng chăn nuôi gia cầm: Xã Vĩnh Chấp của huyện Vĩnh Linh; các xã Cam Nghĩa, Cam Thành, Cam Chính, Cam Hiếu huyện Cam Lộ; xã Triệu Thuận huyện Triệu Phong; các xã Hải Phú, Hải Hưng, Hải Chánh huyện Hải Lăng;

Vùng chăn nuôi bò thịt: 02 vùng phía Tây xã Hải Lâm, Hải Chánh huyện Hải Lăng; các xã Triệu Thượng, Triệu Ái huyện Triệu Phong; Hải Thái, Gio Sơn, Phong Bình huyện Gio Linh; xã Vĩnh Tú huyện Vĩnh Linh.

### **6.3. Phương án phát triển vùng nuôi trồng thủy sản**

Xây dựng, nhân rộng các vùng nuôi trồng thuỷ sản được chứng nhận VietGAP, hữu cơ dựa trên các lợi thế phát triển, phù hợp với điều kiện phát triển của từng khu vực.

Định hướng phát triển các vùng nuôi trồng thuỷ sản tập trung tại các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong,... quy mô lớn, áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại.

#### 6.4. Phương án phát triển lâm nghiệp

Quản lý bảo vệ toàn bộ diện tích rừng trên địa bàn tỉnh; trong đó:

- Bảo vệ rừng đặc dụng, tập trung tại khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông huyện Đakrông và khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa huyện Hướng Hóa và Cồn Cỏ huyện đảo Cồn Cỏ;
- Bảo vệ rừng phòng hộ tại các huyện Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng, Triệu Phong và Thị xã Quảng Trị;
- Phát triển rừng sản xuất tại các huyện: Hướng Hóa, Đakrông, Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng, Triệu Phong, Hải Lăng, Cam Lộ.

#### 7. Phương án phát triển khu quân sự, an ninh

Tập trung xây dựng công trình phòng thủ cho cấp ủy, chính quyền địa phương, lực lượng vũ trang trong phòng chống thiên tai, bão lũ, động đất, sóng thần và bảo đảm cho nhiệm vụ quốc phòng khi có chiến tranh xảy ra. Xây dựng các công trình quốc phòng của bộ quốc phòng, của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, các căn cứ hậu phương, Ban chỉ huy quân sự các huyện, xã, .... Đầu tư xây dựng các Chốt chiến đấu của Tiểu đội Dân quân thường trực trên tuyến biên giới đất liền, Hải đội Dân quân tự vệ biển.

Đầu tư xây dựng các trụ sở công an tại các huyện Cam Lộ, Triệu Phong; trụ sở phòng cháy chữa cháy huyện Hướng Hóa; doanh trại đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và phòng cháy chữa cháy các huyện: Gio Linh, Đakrông, Triệu Phong, Hải Lăng, huyện đảo Cồn Cỏ; cơ sở của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Quảng Trị (tại Cam Lộ) và trụ sở công an các xã, phường, thị trấn.

### VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

#### 1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

##### 1.1. Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia

Thực hiện theo quy hoạch quốc gia đối với các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, đường thủy, hàng không, cảng biển. Ngoài ra, đề xuất bổ sung quy hoạch cảng biển Vịnh Mốc.

##### 1.2. Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Bổ sung, nâng cấp, cải tạo để kết nối hiệu quả mạng lưới đường bộ của tỉnh với mạng lưới giao thông quốc gia, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cải tạo các loại bến xe các cấp để nâng cao chất lượng dịch vụ và tỷ lệ người dân sử dụng phương tiện công cộng, dịch vụ vận tải. Bổ sung tuyến vận tải Cửa Tùng - Cồn Cỏ vào danh mục các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo của quốc gia; Quy hoạch nâng cấp tuyến sông Bắc Phước thành tuyến đường thủy nội địa địa phương; Phát triển các bến thủy nội địa theo hướng linh hoạt, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng đến năm 2030 đạt công suất khoảng 500.000 tấn/năm và 50.000 lượt hành khách/năm.

### **1.3. Phương án phát triển hạ tầng logistics:**

Định hướng phát triển các trung tâm logistic, cảng cạn tại các khu vực có nhiều tiềm năng lợi thế như: Khu kinh tế Đông Nam, Lao Bảo, La Lay, Cam Lộ, Hải Lăng, Bắc Cửa Việt, Nam Cửa Việt, KCN Quán Ngang, Đông Hà, CHK Quảng Trị, cảng Vịnh Mốc... Đầu tư hệ thống kho bãi vận tải theo nhu cầu phát triển, trong từng giai đoạn để bổ trợ, phát huy tối đa hiệu quả các trung tâm logistics trên địa bàn Tỉnh.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực sẽ nghiên cứu đầu tư các đoạn tuyến tránh đô thị, khu vực đèo dốc nguy hiểm, vị trí không thể mở rộng... Quy mô các tuyến đường địa phương là quy mô tối thiểu. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án, tùy theo nhu cầu vận tải sẽ xác định quy mô thực tế của tuyến đường. Đồng thời, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng huy động nguồn lực sẽ quyết định phân kỳ đầu tư để đảm bảo hiệu quả đầu tư dự án. Đối với các tuyến quốc lộ qua đô thị, trường hợp cần thiết sẽ xây dựng hệ thống đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng tới năng lực thông hành của các quốc lộ, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương (theo khoản 3 mục III Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Ngoài ra, đối với các tuyến đường, công trình giao thông không có trong danh mục dự án ưu tiên thời kỳ 2021-2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Quảng Trị huy động được nguồn lực, bảo đảm hiệu quả đầu tư được chủ động thực hiện đầu tư.

### **2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện**

Ưu tiên phát triển các nhà máy điện đã có trong quy hoạch điện quốc gia, trong đó chú trọng phát triển loại hình nguồn điện năng lượng tái tạo và nguồn điện ít phát thải carbon; tiếp tục triển khai nghiên cứu các dự án nguồn điện mới nhằm tận dụng tiềm năng tự nhiên sẵn có của tỉnh. Thực hiện chuyển đổi nhiên liệu đối với các nhà máy sử dụng năng lượng hóa thạch theo định hướng trong quy hoạch điện quốc gia, phát triển các nhà máy năng lượng tái tạo, năng lượng mới và công nghệ hydro vào giai đoạn thích hợp, phù hợp với mức độ phát triển của công nghệ và khả năng thương mại hóa. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp lưới điện 500 kV, 220 kV, 110 kV đồng bộ với tiến độ nguồn điện cũng như cấp điện cho phụ tải, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Sau năm 2030, xem xét xây dựng hệ thống cáp ngầm vượt biển nhằm cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ từ lưới điện quốc gia.

### **3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông**

Phát triển hạ tầng bưu chính, đẩy mạnh chuyển đổi số. Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng kinh tế trọng điểm. Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông; lắp đặt các điểm truy cập wifi; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Chuyển đổi số toàn diện trong hệ thống chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, cải cách thủ tục hành chính; Xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số. Phát triển xã hội số, nền kinh tế số. Phát triển mạnh kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, tài chính, y tế, giáo dục, giao thông, tài nguyên và môi trường, báo chí.

**Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, liên thông:** Phát triển trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, kết nối liên thông vào các trung tâm dữ liệu vùng và quốc gia. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng nội bộ, mạng diện rộng, mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan trong hệ thống chính trị các cấp trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hoạt động lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền trên môi trường số.

Hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC) kết nối với hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số. Duy trì triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp.

#### **4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước**

##### **4.1. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi**

Phát triển thủy lợi Quảng Trị theo hướng hiện đại hóa, đảm bảo phục vụ cấp nước cho nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp, du lịch, dịch vụ và các ngành kinh tế khác. Bảo vệ, phát triển bền vững nguồn nước, phát huy tối đa tiềm năng lợi thế nguồn nước hiện có ở các lưu vực sông, suối; tổ chức quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu trên địa bàn. Đảm bảo tiêu, thoát nước, chống ngập úng, bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do nước gây ra, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi có trọng tâm, trọng điểm theo hướng đồng bộ, hiện đại, áp dụng công nghệ mới, trong đó thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau: Tăng khả năng tích trữ, tạo nguồn nước thông qua nâng cao năng lực các công trình hiện có và tiếp tục xây dựng mới các công trình ở các nơi có điều kiện thuận lợi; Kết nối, liên kết nguồn nước giữa các địa phương, vùng, miền, lưu vực sông, hệ thống thủy lợi nhằm điều hòa nguồn nước từ nơi thừa đến nơi thiếu; Tiếp tục đầu tư các công trình thủy lợi lớn đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi cấp nước tưới và phục vụ sinh hoạt ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, trên các đảo có đông dân cư, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng khan hiếm nước, vùng ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn; có các giải pháp khắc phục, hạn chế tác động của biến đổi lòng đất, hạ thấp mực nước tại các lưu vực sông; Sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống công trình thủy lợi hiện có theo hướng hiện đại; xây dựng hệ thống giám sát vận hành để nâng cao hiệu quả sử dụng công trình.

#### 4.2. Phương án cấp nước cho nông nghiệp

Toàn tỉnh đầu tư xây dựng mới khoảng 100 công trình hồ chứa nước và các công trình đầu mối thuỷ lợi, phục vụ diện tích tưới tăng thêm khoảng 21.000 ha, nâng cấp sửa chữa 240 công trình để đảm bảo diện tích tưới khoảng 5.500 ha lúa.

#### 4.3. Phương án cấp nước sinh hoạt

Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt đô thị và nông thôn, quy hoạch, bố trí các trụ nước chữa cháy để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt, chữa cháy; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Xây dựng mới hệ thống cấp nước tập trung tại các xã, các đảo để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và chữa cháy.

#### 4.4. Phương án thoát nước mưa

Cải tạo, nâng cấp, bổ sung, mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống thoát nước mưa tại các đô thị, tận dụng hệ thống hồ, kênh mương trong các đô thị để điều hòa, thoát nước nhanh cho các đô thị, không gây ngập úng cục bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

### 5. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

#### 5.1. Phương án thoát nước thải

Nước thải đô thị được xử lý đạt chuẩn phù hợp với quy chuẩn theo quy định. Tùy theo địa hình và quy mô dân cư khu vực nông thôn để bố trí hồ sinh học hoặc các giải pháp xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp. Cần xây dựng hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi, khu tiểu thủ công nghiệp và giếng tách nước thải tại vị trí miệng xả của hệ thống thoát nước chung để có biện pháp xử lý; 100% nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp cần được xử lý đạt quy chuẩn hiện hành.

#### 5.2. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn

Quy hoạch các khu xử lý, bãi chôn lấp để đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn nguy hại và chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt, công nghiệp, xây dựng...; Khuyến khích thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn phù hợp.

Đầu tư mới hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại bằng công nghệ không đốt tại một số địa phương và dần thay thế các hệ thống cũ.

#### 5.3. Phương án quy hoạch hệ thống nghĩa trang

- Đối với khu vực đô thị: Tiếp tục sử dụng các nghĩa trang còn diện tích hiện đang sử dụng; Mở rộng các nghĩa trang đã có chủ trương, định hướng mở rộng; Xây dựng hệ thống nghĩa trang tập trung cho các đô thị (1-3 điểm/đô thị tùy theo quy mô diện tích và sự phân bố); Di dời nghĩa trang và các phần mộ nhỏ lẻ trong đô thị (những khu vực đặc biệt cần thiết cho phát triển đô thị);

- Đối với khu vực nông thôn (các xã): Quy hoạch mới các khu vực nghĩa trang được thực hiện theo quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất cấp xã;

- Đầu tư hạ tầng đồng bộ, từng bước áp dụng công nghệ mai táng hiện đại, xây dựng trung tâm hỏa táng.

## **6. Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá**

Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

## **7. Phương án phát triển phòng cháy và chữa cháy**

Quy hoạch phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo mỗi địa phương có tối thiểu 01 đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được bố trí xây dựng tại các địa điểm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc; quy hoạch hệ thống cung cấp nước, giao thông, thông tin liên lạc phục vụ cho công tác phòng cháy và chữa cháy theo đúng quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.

## **VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI**

### **1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế**

Phát triển hợp lý hệ thống y tế thông minh; Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút các nguồn lực xây dựng, phát triển các cơ sở y tế chất lượng cao. Phát triển hệ thống cơ sở y tế tỉnh Quảng Trị có 08 bệnh viện tuyến tỉnh, 08 trung tâm đa chức năng tuyến huyện (điều trị, dự phòng, dân số), 02 Trung tâm Y tế không bố trí giường bệnh nội trú và các trạm y tế tuyến xã. Duy trì và nâng cao năng lực của trung tâm kiểm soát bệnh tật và các Trung tâm thuộc lĩnh vực Pháp y, Giám định y khoa. Xây dựng mới bệnh viện Y học cổ truyền; Duy trì và bổ sung các cơ sở y tế ngoài công lập.

### **2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục**

Tiếp tục thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cơ bản cho mọi đối tượng; Giữ vững và nâng cao chất lượng đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục vùng đặc biệt khó khăn; Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh; đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề theo hướng đảm bảo hợp lý về quy mô, cơ cấu, trình độ..., nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm; Huy động nguồn lực, đầu tư cơ sở vật chất, trường lớp học.

- Đến năm 2030, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 40%, trẻ mẫu giáo (từ 3 - 5 tuổi) đạt 98%, duy trì tỷ lệ trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100%; tối thiểu 35% trẻ khuyết tật trong độ tuổi mẫu giáo được giáo dục hòa nhập; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phấn đấu đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi;

- Đến năm 2030, tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99%; tối thiểu 80% trẻ khuyết tật được giáo dục hòa nhập; 100% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3;

- Đến năm 2030, tỷ lệ huy động học sinh đi học đúng độ tuổi cấp trung học cơ sở đạt 99,9%; tỷ lệ trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11 - 14 tuổi được tiếp cận giáo dục đạt 75%;

- Phản ánh đến năm 2030, tỷ lệ thanh thiếu niên từ 15 - 18 tuổi sau khi tốt nghiệp THCS tham gia học chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên THPT, giáo dục nghề nghiệp 99%;

- Đến năm 2030, trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia đạt 70% trên tổng số trường công lập toàn tỉnh.

### **3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

Sáp nhập Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị với Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị thành trường đại học đa ngành theo định hướng ứng dụng trực thuộc địa phương hoặc thuộc Đại học Huế. Tổ chức các lớp học theo các chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông theo kế hoạch hàng năm của địa phương; tổ chức liên kết đào tạo với Trường trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở giáo dục đại học - cao đẳng khi thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên.

### **4. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao**

Phát huy phẩm chất “yêu nước, cần cù và hiếu học” trở thành sức mạnh quan trọng trong sự nghiệp “Xây dựng văn hóa và con người toàn diện, nâng cao đời sống tinh thần, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng trong tỉnh”. Nâng cao thành tích thi đấu thể thao tỉnh, thu hẹp khoảng cách trình độ với các đơn vị mạnh trong toàn quốc. Tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, lựa chọn các di tích trọng điểm để nghị xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới nhằm nâng tầm giá trị và làm giàu văn hóa Quảng Trị. Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; mở rộng các hoạt động thể dục thể thao quần chúng; tạo sự chuyển biến rõ rệt về giáo dục thể chất trường học; Tích cực phát triển thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang, góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng. Thu hút sự đầu tư của xã hội, doanh nghiệp cho các hoạt động thể thao, trong đó, tập trung vào phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể thao và đào tạo đội ngũ phục vụ cho việc tổ chức các giải thể thao chuyên nghiệp trong và ngoài nước. Xây dựng cơ chế chính sách cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thể thao giải trí; Áp dụng mức thuế ưu đãi nhằm khuyến khích huy động các nguồn lực của nhân dân và xã hội hỗ trợ, đầu tư vào lĩnh vực thể thao giải trí và dịch vụ nghỉ dưỡng.

Xây dựng thị trường văn hóa lành mạnh, đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa. Huy động và sử dụng hợp lý các nguồn lực văn hóa, nguồn vốn trí tuệ, năng lực sáng tạo, kết hợp với công nghệ hiện đại để xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, tiến tới phát triển các trung tâm công nghiệp văn hóa, không gian văn hóa sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

### **5. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội**

Nâng cấp và bổ sung các cơ sở trợ giúp xã hội, dưỡng lão công lập và ngoài công lập, phục vụ các thương bệnh binh, trẻ em, người già..., đáp ứng nhu cầu trong xã hội.

## **6. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ**

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển mô hình sản xuất mới, kinh tế số, xã hội số. Phát triển mạnh mẽ, đồng bộ khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin và chuyển đổi số; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, trong đó tập trung phát triển các lĩnh vực, công nghệ ưu tiên, có khả năng ứng dụng cao, như: công nghệ sinh học, năng lượng mới, chuyển đổi số, sàn giao dịch thương mại điện tử... Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo cơ chế thị trường, hướng trọng tâm vào doanh nghiệp. Nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, lấy doanh nghiệp làm chủ thể của hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ.

## **VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI**

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ.

## **IX. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN**

### **1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện**

Vùng liên huyện trung tâm gồm thành phố Đông Hà và huyện Cam Lộ: định hướng phát triển với tính chất chính là vùng đô thị dịch vụ và công nghiệp trung tâm của tỉnh; Là trung tâm kết nối các hành lang quốc gia theo hướng Bắc - Nam với hành lang quốc tế theo hướng Đông - Tây.

Vùng liên huyện Triệu Phong - thị xã Quảng Trị - huyện/thị xã Hải Lăng: định hướng phát triển với tính chất chính là tiểu vùng trọng điểm kinh tế ven biển phía Nam của tỉnh.

Vùng liên huyện Gio Linh - Vĩnh Linh: định hướng phát triển với tính chất chính là vùng kinh tế ven biển phía Bắc của tỉnh, vùng dịch vụ sân bay...

Vùng liên huyện vùng núi Hướng Hóa - Đakrông: định hướng phát triển với tính chất chính là vùng sinh thái nông - lâm nghiệp, sinh thái nhân văn, kinh tế cửa khẩu.

Huyện đảo Cồn Cỏ: định hướng phát triển với tính chất chính là đảm bảo an ninh quốc phòng, dịch vụ hậu cần nghề cá, trung tâm tránh trú bão cho tàu thuyền, bảo tồn đa dạng sinh thái và phát triển du lịch biển đảo.

### **2. Phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện**

Quy hoạch 10 vùng huyện, đô thị đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: (1) Thành phố Đông Hà; (2) Thị xã Quảng Trị; (3) Huyện Hải Lăng; (4) Huyện Triệu Phong; (5) Huyện Gio Linh; (6) Huyện Vĩnh Linh; (7) Huyện Cam Lộ; (8) Huyện Đakrông; (9) Huyện Hướng Hóa; (10) Huyện đảo Cồn Cỏ.

## **X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỦNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

### **1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh**

#### **1.1. Về phân vùng môi trường**

Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của các khu bảo tồn thiên nhiên; Khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa được công nhận; Vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; Khu dân cư tập trung ở nội thành của thành phố Đông Hà.

Vùng hạn chế phát thải: Phân khu phục hồi sinh thái, dịch vụ hành chính, vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên; Các khu bảo vệ cảnh quan; Hành lang đa dạng sinh học; Khu dân cư tập trung là nội thị của các đô thị các đô thị loại IV, V đến năm 2030 theo quy định của pháp luật về phân loại đô thị.

Các vùng khác bao gồm toàn bộ diện tích còn lại của tỉnh Quảng Trị, thực hiện các phương án bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

#### **1.2. Về bảo tồn đa dạng sinh học**

Kiện toàn, nâng cấp, phát triển 07 khu bảo tồn thiên nhiên, trong đó: Nâng cấp 02 Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa và Đakrông thành vườn quốc gia; quy hoạch chuyển tiếp Khu bảo tồn biển đảo Cồn Cỏ, Khu bảo vệ cảnh quan Rú Lịnh, Khu bảo vệ cảnh quan đường Hồ Chí Minh huyền thoại. Thành lập mới Khu bảo vệ cảnh quan Rừng đặc dụng đảo Cồn Cỏ. Nghiên cứu khả năng thành lập Khu bảo tồn biển Vĩnh Thái - Kim Thạch (Gò đồi ngầm).

Quy hoạch chuyển tiếp Hành lang đa dạng sinh học kết nối Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa. Thành lập các khu vực đa dạng sinh học cao Minh Hóa, Quảng Bình - Đakrông, Quảng Trị (huyện Vĩnh Linh, Hướng Hóa, Đa Krông), khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng Biển Quảng Bình - Quảng Trị (huyện Vĩnh Linh, Gio Linh).

Bảo vệ và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên, các vùng cảnh quan có giá trị, các hành lang đa dạng sinh học; bảo tồn các nguồn gen tự nhiên, quý hiếm, các nguồn gen cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học một cách hợp lý, khoa học. Thành lập các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học tại chỗ và chuyển chỗ các nguồn gen quý hiếm, bao gồm các vườn cây thuốc, các trung tâm bảo tồn đa dạng sinh học.

#### **1.3. Về quan trắc chất lượng môi trường**

Chuyển tiếp quy hoạch các trạm quan trắc môi trường thuộc mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia theo Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia. Xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát môi trường đồng bộ, hiện đại trên địa bàn tỉnh, tích hợp với hệ thống quan trắc môi trường quốc gia.

#### **1.4. Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp**

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch 3 loại rừng. Tiếp tục triển khai thực hiện các cơ chế chính sách về bảo vệ và phát triển rừng. Quản lý, bảo vệ, duy trì, phát triển, sử dụng hợp lý tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp. Kết hợp bảo vệ, bảo tồn và phát triển rừng với khai thác sử dụng rừng hợp lý, kết hợp chặt chẽ giữa trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh phục hồi rừng, cải tạo, làm giàu rừng với bảo vệ diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng sản xuất, phát triển cây cho lâm sản ngoài gỗ, gắn với phát triển công nghiệp chế biến nhằm tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị gia tăng cao và thu nhập từ rừng, bảo vệ môi trường, sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục triển khai các giải pháp về khoa học công nghệ trong lĩnh vực giống cây trồng lâm nghiệp. Thu hút các nguồn vốn đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bằng phương thức xã hội hóa đầu tư cho lâm nghiệp.

#### **2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên**

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản, để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên không tái tạo; tiên取り chấm dứt các hoạt động khai thác khoáng sản bất hợp pháp; khai thác nhỏ lẻ; Đinh chỉ hoạt động đối với các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường.

Rà soát quy hoạch, loại bỏ những địa điểm, vị trí không còn phù hợp. Thực hiện đúng việc cấp phép mỏ theo quy hoạch đã được phê duyệt, các cam kết về trách nhiệm trong công tác quản lý khoáng sản theo quy định.

Xây dựng kế hoạch tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ, khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; tiếp tục triển khai thực hiện tốt đề án tăng cường quản lý thu phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ hoạt động khoáng sản.

#### **3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**

##### **3.1. Khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước**

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (1) Đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (2) Đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho môi trường để duy trì hệ sinh thái thủy sinh trên các sông chính của từng khu dùng nước; (3) Đảm bảo yêu cầu nước cho phát triển công nghiệp, Khu/cụm công nghiệp đóng góp giá trị kinh tế lớn cho tỉnh; (4) Đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp (bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản).

Cân đối, đáp ứng hài hoà nhu cầu cấp nước trên phạm vi toàn tỉnh và từng vùng; tăng cường bảo vệ chất lượng nguồn nước, xây dựng các hồ chứa điều tiết nguồn nước, xây dựng các công trình khai thác lấy nước mặt nhằm đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước và duy trì dòng chảy tối thiểu; tiến hành xây dựng các hồ chứa thủy lợi theo quy hoạch; đẩy mạnh việc xây dựng các trạm xử lý nước thải; đẩy mạnh trồng và nâng cao độ che phủ rừng, sử dụng hợp lý tài nguyên đất nhằm điều hòa nguồn nước, giảm lũ, tăng lưu lượng mùa kiệt.

Tăng cường các biện pháp quản lý, chống thất thoát, lãng phí tài nguyên nước từ các công trình khai thác sử dụng nước, đặc biệt là các công trình thủy lợi và cấp nước tập trung; hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác quá ngưỡng giới hạn dòng chảy tối thiểu trên sông, quá giới hạn độ sâu mực nước cho phép đối với tầng chứa nước, đặc biệt là hạn chế các nguy cơ ô nhiễm, suy giảm nguồn nước mặt, nước dưới đất.

#### Phân vùng chức năng của nguồn nước:

- Phân vùng chất lượng nguồn nước sông được phân theo mục đích sử dụng trên các lưu vực sông: Thạch Hãn; Sông Hiếu; Vĩnh Phước; Vĩnh Định; Sông Nhùng; Ô Lâu; Bến Hải; Sa Lung; Cánh Hòm, Rào Quán, Sê Pôn, Sê Păng Hiêng;

- Phân vùng sử dụng nước được chia thành 12 tiểu vùng sử dụng nước: Tiểu vùng Lưu vực sông Sa Lung; Thượng lưu sông Bến Hải; Hạ lưu sông Bến Hải; Lưu vực sông Hiếu; Lưu vực sông Vĩnh Phước - Ái Tử; Lưu vực sông Rào Quán; Lưu vực sông Đakrông; Thượng lưu sông Thạch Hãn; Hạ lưu sông Thạch Hãn; Lưu vực sông Ô Lâu; Lưu vực sông Sê Pôn; Lưu vực sông Sê Păng Hiêng.

#### 3.2. Phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra

**Phòng, chống, khắc phục hậu quả lũ, lụt:** Lập tiêu chuẩn phòng, chống lũ, lụt cho từng vùng của lưu vực sông; Xây dựng phương án phòng, chống lũ, lụt và xây dựng kế hoạch chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để xử lý khi lũ, lụt xảy ra; Tổ chức quan trắc, dự báo và thông báo kịp thời về mưa, lũ và nước biển dâng trong phạm vi của tỉnh; Bảo đảm các quy hoạch phát triển, tiêu chuẩn xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và khu dân cư vùng ngập lũ phù hợp với tiêu chuẩn chống lũ của vùng. Xây dựng và vận hành hồ chứa nước phải có phương án bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống lũ, lụt cho hạ lưu phù hợp với Phương án phòng, chống lũ, lụt của từng lưu vực sông. Bố trí dân cư, bố trí sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng ngập lũ phù hợp với đặc điểm lũ, lụt của từng vùng; có các biện pháp di dân an toàn, bảo đảm sản xuất và đời sống của nhân dân, khắc phục hậu quả ngập lụt, trợ cấp cho nhân dân vùng bị ảnh hưởng phân lũ, chậm lũ; Bảo đảm an toàn hệ thống đê phòng lũ, nâng cao mức chống lũ của hệ thống đê các vùng ven biển; Củng cố hệ thống đê biển bảo vệ dân cư và góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng vùng ven biển; nâng cao khả năng cảnh báo lũ quét ở các huyện miền núi, hạn chế thiệt hại do lũ quét gây ra.

**Phòng, chống và khắc phục hậu quả hạn hán:** Hỗ trợ việc xây dựng các công trình thủy lợi ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán để có nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống cháy rừng; Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả hạn hán; Tổ chức quan trắc và cung cấp kịp thời thông tin, dự báo về khí tượng thủy văn để phục vụ phòng, chống hạn hán.

**Phòng, chống xâm nhập mặn, nước biển dâng tràn:** Đầu tư, hỗ trợ cho việc xây dựng đê biển, công ngăn mặn, giữ ngọt, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng, chống xâm nhập mặn và nước biển dâng; Quản lý, vận hành các công ngăn mặn, giữ ngọt và các hồ chứa nước, công trình điều tiết dòng chảy tuân theo quy trình, quy phạm bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn; Việc thăm dò, khai thác nước dưới đất vùng ven biển phải bảo đảm phòng, chống xâm nhập mặn cho các tầng chứa nước dưới đất.

Phòng, chống mưa đá, mưa axit: Tổ chức quan trắc, cung cấp kịp thời thông tin, dự báo về khả năng xuất hiện mưa đá và thông báo kịp thời cho nhân dân biết để có biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại; Tổ chức thanh tra, giám sát và bảo đảm các doanh nghiệp trong các ngành có hàm lượng khí thải cao, đặc biệt là ngành công nghiệp, có biện pháp xử lý khí thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để tránh gây mưa axít; trường hợp khí thải chưa xử lý tạo ra mưa axít gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### **4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

##### **4.1. Phân vùng rủi ro thiên tai**

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh. Công tác Phòng chống thiên tai được triển khai đồng bộ theo 03 giai đoạn “Trước thiên tai, trong thiên tai và sau thiên tai” trên cơ sở thực hiện có hiệu quả phương châm “Chủ động phòng, tránh, thích nghi để phát triển” và “4 tại chỗ”; Thực hiện nguyên tắc “Phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”, áp dụng nhóm biện pháp phi công trình và nhóm biện pháp công trình nhằm đạt được mục tiêu chung là kiểm soát được thiên tai và giảm thiểu các thiệt hại về con người, tài sản do thiên tai gây ra.

##### **4.2. Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu**

Xây dựng được các giải pháp trọng tâm và ưu tiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu đối với từng ngành, lĩnh vực và khu vực. Ứng dụng cách tiếp cận thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái; Củng cố, nâng cao năng lực cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh về mặt thể chế, tổ chức, chính sách, giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu. Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao ý thức và trách nhiệm của toàn dân vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Huy động nguồn lực tài chính từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm nguồn tài trợ quốc tế, ngân sách nhà nước và xã hội hóa trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

### **XI. DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN**

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng cân đối và huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

### **XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

#### **1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, ưu tiên các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên kết vùng, tạo động lực phát triển cho địa phương.

Thực hiện đầy đủ các chính sách thu hút đầu tư dưới nhiều hình thức; tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, ưu tiên thu hút vốn đầu tư vào xây dựng hạ tầng.

Khuyến khích, thu hút các đối tác có thương hiệu toàn cầu, có năng lực tài chính lớn, có khả năng đầu tư ổn định, lâu dài, có tính liên kết và thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm phụ trợ. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh triển khai thực hiện các dự án đầu tư ở những quy mô khác nhau, theo định hướng của tỉnh.

Đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất là tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để bố trí, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, có hiệu quả; đồng thời, khai thác nguồn lực tài chính từ quỹ đất dôi dư, không có nhu cầu sử dụng để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện huy động nguồn lực từ tài chính đất đai (thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, sắp xếp lại, xử lý nhà, đất) để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Đề xuất phương án huy động hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy sự phát triển văn hóa, các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

## **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng quản lý Nhà nước để đáp ứng nhu cầu đổi mới phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế.

Mở rộng mạng lưới đào tạo nghề và thay đổi cơ cấu đào tạo nghề theo nhu cầu của thị trường lao động. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đào tạo, linh hoạt và thiết thực. Thu hút mọi nguồn lực cho các hoạt động đào tạo nghề, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đào tạo nghề và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học nghề, tìm kiếm việc làm. Tăng cường việc liên kết đào tạo nghề, đào tạo chuyên nghiệp với các cơ sở đào tạo có uy tín, chất lượng tốt trong và ngoài nước.

## **3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ**

Cần thực hiện tốt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, chỉ thành lập mới những tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc lĩnh vực mà nhà nước hoặc tỉnh cần khuyến khích phát triển nhưng các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không muốn đầu tư, thành lập. Chuyển các tổ chức nghiên cứu cơ bản vào các cơ sở giáo dục đào tạo và chuyển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng vào các doanh nghiệp.

Các ban, ngành trên địa bàn tỉnh cần đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ của ngành để từ đó đưa ra được các chủ đề, nhiệm vụ khoa học và công nghệ bám sát thực tiễn, có khả năng ứng dụng cao vào thực tiễn sau khi được triển khai nghiên cứu. Sở Khoa học và Công nghệ cần chủ động làm việc với các ban, ngành của các huyện, thành phố, thị xã để tiếp nhận các đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ban hành các chính sách tuyển dụng và đãi ngộ thoả đáng về lương, điều kiện làm việc, chở ở nhằm thu hút mạnh cán bộ khoa học và công nghệ giỏi về tinh làm việc. Có chính sách tôn vinh nhân tài, chính sách khen thưởng thoả đáng kết quả sáng tạo khoa học và công nghệ, các ứng dụng khoa học và công nghệ, sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội lớn. Lựa chọn một giải thưởng khoa học và công nghệ cấp tỉnh định kỳ dành trao tặng cho các nghiên cứu có khả năng ứng dụng cao vào thực tiễn.

Hợp tác chặt chẽ với các cơ quan khoa học và công nghệ của nước CHDCND Lào cũng như Thái Lan để xuất các hướng, chủ đề nghiên cứu khoa học công nghệ chung nhằm thúc đẩy mối liên kết các vùng trọng điểm phát triển trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như các địa phương của nước bạn.

#### **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

- Tạo cơ chế đặc thù trong thu hút đầu tư đối với các vùng là động lực, trung tâm thúc đẩy phát triển của tỉnh, của vùng và sự liên kết giữa vùng động lực với các vùng phụ trợ;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách, hỗ trợ đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, điện, nước ... đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm tương hỗ để thu hút nhà đầu tư hạ tầng đồng bộ, chất lượng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư của tỉnh;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn, dự án đầu tư có hiệu quả, phát triển bền vững vào đầu tư tại tỉnh;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách, quy định để huy động, nâng cao chất lượng đô thị đồng bộ, hiện đại, đô thị xanh, phát triển bền vững, tạo sức hút, phát triển dịch vụ, thị trường bất động sản lành mạnh;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách, quy định phát triển các ngành sản xuất sản phẩm thân thiện môi trường như: Thu gom, chế biến rác thải, xử lý nước thải, sản phẩm được tạo ra từ các vật liệu thân thiện với môi trường;

- Xây dựng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ thu hút nhà đầu tư vào đầu tư khu, điểm du lịch, khách sạn cao cấp thông qua hỗ trợ thủ tục pháp lý, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng giao thông, điện, nước;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, vinh danh doanh nghiệp để hỗ trợ, khuyến khích phát triển doanh nghiệp địa phương, các doanh nghiệp đầu tư vào những vùng có điều kiện khó khăn, có nhiều đóng góp quan trọng vào giải quyết việc làm, thu ngân sách;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ hiện đại, có công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường, chuyển đổi số, kinh tế số;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp cộng đồng;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách tập trung ruộng đất trong sản xuất nông nghiệp để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản; chính sách khuyến khích thành lập các hợp tác xã, các hiệp hội ngành nghề trong sản xuất nông nghiệp;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, giảng viên cao đẳng, bác sĩ giỏi, nhân lực khoa học - công nghệ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ học sinh sinh viên tham gia học nghề, trọng tâm là hỗ trợ đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục mầm non, bao gồm đầu tư phát triển mạng lưới, ưu tiên hỗ trợ các xã có điều kiện đặc biệt khó khăn, địa bàn có khu công nghiệp, khuyến khích xã hội hóa, hỗ trợ giáo viên mầm non;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư khu đô thị, dịch vụ, nhà ở công nhân xung quanh khu công nghiệp;

- Xây dựng các cơ chế, chính sách tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế để tiếp nhận công nghệ tiên tiến trong phát triển kinh tế thủy sản.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển và mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu. Tập trung xây dựng các thương hiệu và có chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm thủy sản của tỉnh.

## **5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

Hoàn thiện hệ thống quy hoạch xây dựng, đảm bảo căn cứ pháp lý để quản lý phát triển đô thị và nông thôn.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao do tăng cơ học và thu hút du khách để đảm bảo động lực phát triển kinh tế bền vững. Xây dựng lộ trình thích hợp để mở rộng ranh giới các đô thị, nâng hạng đô thị, sau khi đã tiến hành xây dựng, nâng cấp chất lượng hạ tầng đô thị tại các khu vực ở nông thôn giáp cận với ranh giới đô thị.

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các công cụ tài chính kinh tế đất, phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, có cơ chế kiểm soát chặt chẽ, khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai.

Áp dụng số hoá, công nghệ quản lý hiện đại và hệ thống thông tin địa lý trong quản lý phát triển đô thị, nông thôn.

## **6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch**

Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật quy hoạch, đảm bảo đồng bộ.

Triển khai xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 5 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển đảm bảo phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ lập QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *VH*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**